

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Số: 218 /QĐ-CT.CTLN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của CP về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của CP về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc hợp nhất Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hàm Tân thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Bình Thuận (mới);

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh cơ quan đại diện chủ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 của Công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Phòng Kinh doanh-MKT, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận.

1. Mục tiêu chung: Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận nhằm định hướng và quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư phát triển của Công ty 05 năm tới và làm căn cứ để lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và ngành trên địa bàn của tỉnh.

2. Các nhiệm vụ chủ yếu:

- Quản lý và bảo vệ rừng trồng, rừng tự nhiên, bảo vệ đất đai đã được nhà nước cho thuê và giao theo các hợp đồng thuê đất trên toàn bộ diện tích quản lý 18.838,67 ha trên cơ sở Phương án sử dụng đất, Phương án quản lý rừng bền vững đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Công ty tập trung kinh doanh trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng, cao su theo kế hoạch hàng năm, áp dụng chứng chỉ rừng FSC góp phần bảo vệ môi trường bền vững. Bên cạnh đó, việc chế biến gỗ, kinh doanh dịch vụ, sản xuất cây giống lâm nghiệp góp phần tạo doanh thu hàng năm cho Công ty.

*** Các chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chủ yếu:**

Biểu số 01

STT	Chỉ tiêu sản xuất	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Trồng rừng	ha	1.252,92	965,64	992,63	645,70	665,36
1.1	Vốn Công ty	ha	569,54	223,08	421,61	592,30	500,32
1.2	Vốn trồng rừng thay thế	ha	500,00	500,00	500,00		
1.3	HTĐT-Giao khoán	ha	183,38	242,56	71,02	53,40	165,04
2	Chăm sóc rừng	ha	10.100,11	10.100,11	10.100,11	10.100,11	10.100,11
3	Quản lý BVR	ha	18.836,17	18.836,17	18.836,17	18.836,17	18.836,17
3.1	Rừng tự nhiên	ha	3.072,11	3.072,11	3.072,11	3.072,11	3.072,11
3.2	Rừng trồng và đất chưa có rừng	ha	15.764,06	15.764,06	15.764,06	15.764,06	15.764,06
4	KH Khai thác (theo KH doanh thu)	ha	989,87	1.329,80	992,10	1.340,12	1.233,55
4.1	Vốn Công ty đầu tư 100%	ha	929,65	1.280,60	976,36	1.322,04	1.210,49
4.2	Diện tích thụ hưởng HTĐT-Giao khoán	ha	60,22	49,20	15,74	18,08	23,06

(Đối với mục Quản lý BVR: Chỉ tính diện tích quản lý tại 03 XN Lâm nghiệp, chưa bao gồm 2,5 ha khu vực Phan Thiết cũ)

- Tổng diện tích quản lý bảo vệ rừng giai đoạn: 2026-2030: 18.836,17 ha.

- Bảo vệ rừng tự nhiên: 3.072,11 ha

- Tổng diện tích chăm sóc, bảo vệ rừng trồng: 10.100,11 ha.

- Tổng diện tích trồng rừng 05 năm giai đoạn 2026-2030 ước thực hiện: 4.468,03 ha, trong đó: Trồng rừng thay thế (dự án hồ chứa nước Ka pét, nguồn vốn từ Quỹ bảo vệ phát triển rừng): 1.500 ha; Trồng rừng từ nguồn vốn tự có của Công ty và vốn huy động: 2.968,03 ha, phân chi tiết từng năm: Năm 2026: 1.252,92 ha; Năm 2027: 965,64 ha; Năm 2028: 992,63 ha; Năm 2029: 645,70 ha; Năm 2030: 665,36 ha.

- Tổng diện tích khai thác gỗ rừng trồng ước thực hiện kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030: 5.885,44 ha, bao gồm: Nguồn vốn Công ty: 5.063,45 ha; vốn HTĐT, Giao khoán: 821,92 ha. Trong đó phân bổ thực hiện các năm sau:

+ Năm 2026: 989,87 ha; Năm 2027: 1.329,80 ha; Năm 2028: 992,10 ha; Năm 2029: 1.340,12 ha; Năm 2030: 1.233,55 ha.

3. Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, thu nhập Bình quân:

Biểu số 02

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030
1	Doanh thu hằng năm	Tỷ đồng	93,850	99,000	104,400	110,140	116,200
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	9,990	10,540	11,120	11,730	12,375
3	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	14,788	14,898	15,014	15,136	15,265
4	Tổng số lao động – ban điều hành	Người	180	181	182	183	184
5	Thu nhập BQ triệu đồng/người/tháng	Triệu đồng	19,397	20,602	21,446	22,334	23,266

4. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030:

Biểu số 03

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu						
	- Sản phẩm mộc	SP	840	887	934	987	1.036
	- Khai thác rừng trồng	Ha	989,87	1.329,80	992,10	1.340,12	1.233,55
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	93,850	99,000	104,400	110,140	116,200
2.1	Doanh thu rừng trồng	Tỷ	83,940	88,683	93,654	92,337	95,507

		đồng					
2.2	Doanh thu chế biến gỗ	Tỷ đồng	3,000	3,165	3,339	3,523	3,699
2.3	Doanh thu nông nghiệp, cao su, khác	Tỷ đồng	4,400	4,642	4,897	11,770	14,484
2.4	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,010	0,010	0,010	0,010	0,010
2.5	Doanh thu khác	Tỷ đồng	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5

5. Kế hoạch xây dựng quỹ tiền lương theo Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030.

Biểu số 04

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Tiền lương của người lao động – Ban điều hành						
1	Tổng số lao động – Ban điều hành	Người	180	181	182	183	184
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/ tháng	17.634	18.729	19.497	20.304	21.151
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	38.090	40.680	42.582	44.588	46.701
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động -BDH	Tr.đồng	3.809	4.068	4.258	4.459	4.670
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/ tháng	19.397	20.602	21.446	22.334	23.266
II	Tiền lương của Chủ tịch công ty						
1	Chủ tịch công ty	Người	1	1	1	1	1
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/ tháng	37	42	42	42	42
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	888	1.008	1.008	1.008	1.008
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/ tháng	74	84	84	84	84
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	88,8	100,8	100,8	100,8	100,8
6	Mức thu nhập bình quân	Tr.đồng/ tháng	81,4	92,4	92,4	92,4	92,4
III	Tiền lương của kiểm						

	soát viên chuyên trách						
1	Kiểm soát viên	Người	1	1	1	1	1
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr/đồng/tháng	31	36	36	36	36
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	744	864	864	864	864
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	62	72	72	72	72
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	74,4	86,4	86,4	86,4	86,4
6	Mức thu nhập bình quân	Tr.đồng/tháng	68,2	79,2	79,2	79,2	79,2

6. Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030:

Biểu số 05

STT	Danh mục dự án	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch					
			Tổng	2026	2027	2028	2029	2030
1	Xây dựng nhà máy chế biến gỗ.	Tỷ đồng	70	10	50	10		
2	Dự án vườn ươm giống, nghiên cứu khảo nghiệm giống cây lâm nghiệp.	Tỷ đồng	12	5	5	2		
3	Xây dựng Nhà trưng bày sản phẩm km 14.	Tỷ đồng	15	5	10			
4	Xây dựng đầu tư mới cơ sở hạ tầng tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty. Sửa chữa, bảo trì các công trình xuống cấp tại các đơn vị và Siêu thị 509. Tháp canh lửa PCCR.	Tỷ đồng	20	4	4	4	4	4
5	Đầu tư mua mới 04 xe ô tô (01 xe 7 chỗ ngồi và 01 xe 4 chỗ ngồi, 02 bán tải).	Tỷ đồng	4	3	1			
6	Đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị chế biến gỗ.	Tỷ đồng	3	1	1	1		
7	Duy trì và cấp mới lại chứng chỉ rừng FSC. Xây dựng chứng chỉ carbon.	Tỷ đồng	5	1	1	1	1	1

8	Lập bản đồ địa chính cấp mới, cấp đổi CNQSDĐ, Phương án sử dụng đất, Phương án quản lý rừng bền vững, Phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.	Tỷ đồng	3	1	2			
9	Xây dựng đường lâm nghiệp nội đồng.	Tỷ đồng	10	3	2	2	2	1
10	Đầu tư xây dựng rừng cây gỗ lớn.	Tỷ đồng	10	2	2	2	2	2
11	Đầu tư cải tạo mức gốc xử lý thực bì trồng rừng.	Tỷ đồng	15	5	5	5		
12	Phát triển Marketing xây dựng thương hiệu đồ gỗ Công ty Lâm nghiệp. Công nghệ số hoá.	Tỷ đồng	3	1	1	1		
Tổng cộng			170	41	84	28	9	8

6.1. Tổng giá trị đầu tư phát triển 05 năm từ 2026-2030 ước thực hiện: 170 tỷ đồng, được phân bổ như sau:

Ước thực hiện phân bổ theo từng năm: Năm 2026: 41 tỷ đồng; Năm 2027: 84 tỷ đồng; Năm 2028: 28 tỷ đồng; Năm 2029: 9 tỷ đồng; Năm 2030: 08 tỷ đồng.

6.2. Nguồn vốn đầu tư phát triển: Từ Quỹ đầu tư phát triển trích từ 30% lợi nhuận sau thuế của Công ty, vốn sản xuất kinh doanh, vốn vay và vốn khác.

6.3. Phương án thực hiện: Căn cứ vào tình hình tài chính nguồn vốn sản xuất kinh doanh, Quỹ đầu tư phát triển Công ty và các nguồn vốn khác, Công ty sẽ phân khai và ưu tiên các dự án trọng điểm để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó, ưu tiên các dự án trồng rừng gỗ lớn, vườn ươm giống lâm nghiệp và nhu cầu cấp thiết như mua sắm xe ô tô, xây dựng sửa chữa văn phòng, Trạm, đường nội đồng, Marketing v.v để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với các dự án xây dựng có quy mô lớn, sau khi có đầy đủ các hồ sơ pháp lý dự án như nhà máy chế biến gỗ v.v, Công ty sẽ phân kỳ thực hiện từng công đoạn theo giai đoạn phân bổ để phù hợp với nguồn vốn đầu tư và tìm kiếm các đối tác liên kết, liên doanh, hợp tác đầu tư nhằm huy động nguồn vốn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Giao Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận có trách nhiệm chỉ đạo các cá nhân, đơn vị liên quan tham mưu phân khai chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quyết định của Chủ tịch Công ty hằng năm để triển khai thực hiện theo định hướng của Chủ sở hữu và công khai thông tin về hoạt động doanh nghiệp theo Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 và Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Ban Tổng Giám đốc Công ty, Trưởng các phòng KD-MKT, TC-KT, KH-KT, TC-HC Công ty; Trưởng các đơn vị liên quan trực thuộc Công ty căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trưởng Ban KS Công ty;
- Các phòng N/v Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KD.MKT, CT.C.ty.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Lê Ngọc Cường

